

Số: 192/2011/CV-VASEP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2011

*V/v kiến nghị xem xét lại nội dung quy định của
Thông tư và các Quyết định kiểm soát ATTP
thủy sản XK sau khi Luật ATTP có hiệu lực*

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

Luật An toàn Thực phẩm (ATTP) đã được Quốc hội Khóa XII thông qua ngày 17/6/2010 và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2011. Đây cũng là ngày hết hiệu lực của Pháp lệnh Vệ sinh ATTP số 12/2003/PL-UBTVQH11. Trước đó, Luật Chất lượng Sản phẩm Hàng hóa cũng đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008.

Ngay sau khi Luật ATTP có hiệu lực, trong 4 tháng liên tiếp sau đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành 01 Thông tư và các Quyết định liên quan đến kiểm soát chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu::

- Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT của Bộ NNPTNT ngày 3/8/2011 về kiểm tra, chứng nhận chất lượng, ATTP thủy sản;
- Quyết định số 2654/QĐ-BNN-QLCL ngày 31/10/2011 ban hành biện pháp kiểm tra tăng cường về chất lượng, ATTP lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Canada và Nhật Bản;
- Quyết định số 2568/QĐ-BNN-QLCL ngày 28/10/2011 v/v áp dụng biện pháp tăng cường kiểm soát tạp chất đối với các lô tôm sú nguyên con, tôm sú còn vỏ bỏ đầu trước khi xuất khẩu;
- Quyết định số 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/11/2011 v/v Quy định chỉ tiêu kiểm tra về chất lượng, ATTP đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu;

Thủy sản là một ngành hàng đã sớm hội nhập và huy động được điều kiện tài nguyên, công nghệ và con người với sự tham gia của hơn 500 nhà máy chế biến, hàng trăm nghìn công nhân và hàng triệu nông-ngư dân trên toàn quốc. Sự liên kết chặt chẽ, chịu trách nhiệm cuối cùng và liên tục đầu tư lớn cho chất lượng ATTP sản phẩm thủy sản của các nhà máy chế biến đã đáp ứng được hầu hết yêu cầu của các thị trường khó tính theo thông lệ quốc tế, đưa xuất khẩu thủy sản Việt Nam liên tục tăng trưởng và đứng vào top 5 cường quốc cung cấp thủy sản trên thế giới, góp phần đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Tuy nhiên, ngành hàng đang gặp rất nhiều khó khăn, nhất là việc thiếu nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu, các chi phí đầu vào tăng quá cao, các thủ tục kiểm tra chất lượng và ATTP hàng xuất khẩu tăng quá mức cần thiết, gây thiệt hại về thời gian và vật chất cho doanh nghiệp....

Thông tư 55 và các Quyết định nêu trên là quy phạm triển khai Luật ATTP đối với thủy sản xuất khẩu. Nội dung thông tư không có nhiều sự khác biệt về cách tiếp cận đối mới

so với các thông tư và văn bản trước đây, một số nội dung cần được thay đổi và điều chỉnh cho tuân thủ đúng với Luật ATTP, đồng thời khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tế mấy năm qua, để phù hợp với các yếu tố tình hình mới.

Văn phòng Hiệp hội VASEP đã tổ chức việc lấy ý kiến của các doanh nghiệp, đã tổng hợp các kiến nghị của doanh nghiệp về các nội dung Thông tư 55 và các Quyết định nói trên. Xin được báo cáo với Bộ trưởng những nội dung cơ bản như sau:

1. Điểm nổi bật là chi phí kiểm nghiệm mà các doanh nghiệp phải trả cho Cục NAFIQAD để được kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và cấp chứng thư xuất khẩu cho từng lô hàng ngày càng tăng cao và đè nặng vào giá thành sản xuất, tạo nên một danh mục chi phí lớn đối với doanh nghiệp và ngành hàng (*kiểm nhiều hơn, mẫu nhiều hơn, bắt buộc nhiều hơn, một số chỉ tiêu có đơn giá cao hơn phòng kiểm nghiệm bên ngoài ...*);

2. Các hình thức xử phạt ngày càng quá khắt khe và có tính trừng phạt, như rút giấy chứng nhận ATTP, ngưng XK khi có quá 3 lô hàng cùng loại bị phát hiện cảnh báo ở nước ngoài trong 6 tháng,... trong khi nhiều môi nguy không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải tăng cường tự kiểm nghiệm cả nguyên liệu và thành phẩm, lô hàng đã được Cục NAFIQAD kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ATTP, đã được cấp chứng thư, nhưng khi xuất khẩu sang nước ngoài lại bị cơ quan thẩm quyền nước ngoài cảnh báo, hàng hóa bị trả về, thì chính Cục NAFIQAD lại cảnh báo, có khi còn bị ngưng thậm chí đình chỉ xuất khẩu.

3. Trong khi chủ trương xã hội hóa hoạt động kiểm nghiệm đã được quy định rõ trong Luật ATTP và một số văn bản liên quan của Bộ NN&PTNT, và không ít các phòng kiểm nghiệm bên ngoài đã được chứng nhận và chỉ định theo quy định hiện hành, thì mức độ xã hội hóa hoạt động kiểm nghiệm thủy sản xuất khẩu lại bị co hẹp, đa phần các lô hàng phải kiểm tại các phòng kiểm nghiệm của Cục NAFIQAD thì mới được Cục cấp chứng thư xuất khẩu.

4. Việc kiểm tra từng lô hàng hiện nay không có sự phân biệt giữa các doanh nghiệp có hệ thống quản lý tốt và lịch sử uy tín với các doanh nghiệp có dấu hiệu kém hơn. Việc kiểm tra tất cả và mang tính "dàn hàng ngang", khiến doanh nghiệp chưa vi phạm nhưng cũng bị kiểm tra như vi phạm. Việc kiểm tất cả không phân biệt này và không chỉ ra ai vi phạm cũng làm cho môi trường kinh doanh chưa thực sự lành mạnh về cạnh tranh chất lượng.

5. Theo quy định và thông lệ quốc tế phổ biến ở nhiều nước, việc xây dựng, đánh giá chứng nhận và quản lý điều kiện VSATTP của cơ sở chế biến xuất khẩu là tiếp cận pháp lý cốt yếu mang tính hệ thống. Thông tư 55 và các Quyết định mới ban hành đã đưa ra một cách **tiếp cận "kép" khó khăn hơn mức cần thiết của thông lệ quốc tế**, một mặt kiểm soát nghiêm ngặt điều kiện VSATTP của nhà máy chế biến thủy sản, một mặt lại kiểm tra và lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu có chiều hướng tăng cường đối với từng lô hàng trước khi xuất khẩu.

6. Và như vậy, chưa kể tổng lượng hàng xuất khẩu thủy sản tăng đáng kể qua các năm, thì các quy định hiện hành (*kiểm tra giảm hạn chế, quy định hàng rủi ro cao cho hầu hết các sản phẩm thủy sản xuất khẩu, quy định lô hàng xuất khẩu ..*) đã và đang tạo nên số

lượng lô hàng xuất khẩu phải kiểm nghiệm, kiểm tra nhà nước tăng đáng kể qua mấy năm trở lại đây làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp thủy sản Việt Nam.

7. Trong khi đó, theo **Điều 6, 45 và 48** của Luật ATTP thì chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm phải được **chi trả bởi người yêu cầu**, nếu các hoạt động này để phục vụ quản lý nhà nước về ATTP (theo thỏa thuận song phương, theo yêu cầu của Nhà nước...) thì sẽ được chi trả bởi cơ quan quyết định việc kiểm tra, thanh tra. Xử lý vi phạm pháp luật về ATTP cũng không quy định biện pháp ngưng xuất khẩu khi thực phẩm chưa gây ra hậu quả đến sức khỏe con người.

8. Luật ATTP không quy định từng lô hàng thực phẩm xuất khẩu bắt buộc phải có giấy chứng nhận chất lượng ATTP trước khi xuất khẩu, và Bộ là cơ quan ra quy định về hồ sơ và thủ tục để cấp các giấy chứng nhận theo yêu cầu của nước nhập khẩu. Trong khi đó Thông tư 55 và các Quyết định hiện hành có khuynh hướng tăng cường áp dụng bắt buộc giấy chứng nhận chất lượng ATTP cho mỗi lô hàng trước khi xuất khẩu.

9. Luật cũng quy định quyền của các tổ chức, cá nhân trong việc lựa chọn các phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn đã được Cơ quan Thẩm quyền chỉ định để kiểm nghiệm ATTP của các lô hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm nghiệm, phục vụ cho quản lý nhà nước về ATTP (cấp chứng thư, quyết định, xử lý vi phạm hành chính ...). Trong khi thực tế hiện nay các phòng kiểm nghiệm này chưa được huy động vào việc kiểm nghiệm ATTP các lô hàng thủy sản xuất khẩu.

Trước vị thế trên thế giới của ngành thủy sản và mục tiêu xuất khẩu 10 tỷ USD vào năm 2020, với trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản, Hiệp hội trân trọng đề nghị Bộ trưởng xem xét và chỉ đạo Cục NAFIQAD:

1. Không yêu cầu doanh nghiệp trả phí lấy mẫu, phí kiểm nghiệm đối với hoạt động kiểm nghiệm phục vụ hoạt động quản lý ATTP của Nhà nước.
2. Theo Luật và chủ trương xã hội hóa hoạt động kiểm nghiệm, đề nghị bảo đảm cho doanh nghiệp có quyền chọn lựa phòng kiểm nghiệm đã được chỉ định.
3. Để đảm bảo yếu tố khách quan (Điều 45 Luật ATTP) và chủ trương xã hội hóa, đề nghị tổ chức và chứng nhận hệ thống các phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn, kể cả phòng kiểm nghiệm nội bộ của doanh nghiệp đạt chuẩn.
4. Mở rộng một cách thực tế các điều kiện đánh giá đúng nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc tự kiểm soát ATTP các lô hàng thủy sản xuất khẩu.
5. Tăng cường hoạt động đánh giá, chứng nhận và quản lý điều kiện an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất làm cơ sở xem xét để cấp chứng nhận ATTP cho lô hàng xuất khẩu khi có yêu cầu của nước nhập khẩu, giảm bớt việc lấy mẫu, kiểm nghiệm từng lô hàng để cấp chứng nhận cho lô hàng xuất khẩu.
6. Bãi bỏ quy định tạm ngưng xuất khẩu đối với doanh nghiệp khi có quá 3 (ba) lô hàng cùng nhóm sản phẩm tương tự trong 6 (sáu) tháng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo về chất lượng, ATTP, vì không có quy định trong Luật và gây thiệt hại quá lớn cho doanh nghiệp.
7. Bãi bỏ quy định kiểm tra 100% tạp chất, kháng sinh mỗi lô hàng trước khi xuất khẩu vào một số thị trường và thay bằng việc kiểm tra giám sát, thanh tra đột xuất, và xử lý doanh nghiệp vi phạm.

8. Đề nguyên liệu đầu vào bảo đảm về ATTP cho cả chuỗi sản xuất, kiến nghị Bộ NN&PTNT tổ chức, kiểm soát và chứng nhận điều kiện ATTP của các cơ sở sản xuất, cung cấp nguyên liệu thủy sản. Công bố quy định bắt buộc các doanh nghiệp chỉ được thu mua nguyên liệu từ các cơ sở đã được chứng nhận theo cách tiếp cận giống như hàng xuất khẩu phải có chứng nhận cơ sở ATTP mới được lưu thông ra thị trường.

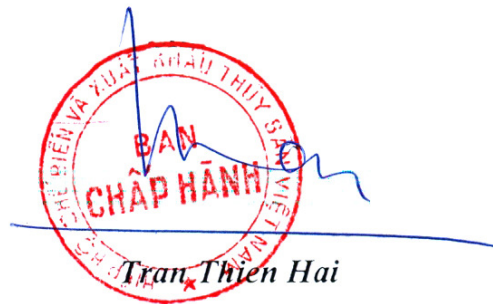
Hiệp hội VASEP xin báo cáo và kính đề nghị Bộ trưởng xem xét và chỉ đạo điều chỉnh những quy định về kiểm soát vệ sinh, ATTP trong lĩnh vực thủy sản, một mặt vẫn đảm bảo về mặt quản lý chuyên ngành, nhưng mặt khác đảm bảo phù hợp với quy định của Luật ATTP, nhằm hạn chế bớt khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế đất nước đã được Đảng và Chính phủ hoạch định.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Diệp Kinh Tân;
- Thứ trưởng Vũ Văn Tám;
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Xuân Thu
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Tổng Cục Thủy sản;
- Cục NAFIQAD;
- Cục CBTM NLTS & Nghề muối;
- Các Phó Chủ tịch HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VPHH.

**TM. BAN CHẤP HÀNH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN
VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM**



Phu lục

TỔNG HỢP & PHÂN TÍCH CHI TIẾT CÁC Ý KIẾN CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VASEP

(Kèm theo công văn số: 192/2011/CV-VASEP, ngày 27/12/2011)

1. Không phù hợp với Luật ATTP:

Tại Điều 6 (Xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm), Điều 42 (Chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu), Điều 45 (Yêu cầu đối với việc kiểm nghiệm thực phẩm) và điều 48 (Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm) của Luật ATTP đã quy định rõ:

✓ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp các giấy chứng nhận (C/O, chứng thư vệ sinh ...) liên quan đến thực phẩm xuất khẩu trong trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu. Và, Bộ trưởng của các Bộ (NN-PTNT, Y tế, Công Thương) quy định hồ sơ, thủ tục để cấp các loại giấy chứng nhận này thuộc lĩnh vực được phân công quản lý. Điều này có nghĩa, Luật ATTP không quy định hàng thực phẩm XK bắt buộc phải có giấy chứng nhận ATTP, và cũng không quy định Bộ là cơ quan ra quy định về các loại giấy Chứng nhận cho thực phẩm xuất khẩu mà chỉ quy định về hồ sơ và thủ tục để cấp các giấy Chứng nhận theo yêu cầu của nước nhập khẩu (**Điều 42, Luật ATTP**);

✓ Kiểm nghiệm thực phẩm được thực hiện hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về ATTP. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm để kiểm tra, thanh tra ATTP do cơ quan quyết định việc kiểm tra, thanh tra chi trả. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu lấy mẫu và kiểm nghiệm thực phẩm phải tự chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm. Điều này có nghĩa, Luật ATTP quy định rõ chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm phải được chi trả bởi người yêu cầu, nếu các hoạt động này để phục vụ quản lý nhà nước về ATTP (theo thỏa thuận song phương, theo yêu cầu của Nhà nước ...) sẽ được chi trả bởi Cơ quan quyết định việc kiểm tra, thanh tra (**Điều 45, 48 - Luật ATTP**);

✓ Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm pháp luật về ATTP thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định cụ thể về hành vi, hình thức và mức xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP quy định tại Điều này. Trường hợp nếu thực phẩm không bảo đảm an toàn sẽ bị thu hồi tự nguyện hoặc thu hồi bắt buộc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Việc đình chỉ sản xuất, kinh doanh chỉ áp dụng khi thực phẩm gây ngộ độc, truyền bệnh đang lưu thông trên thị trường (điều 6, 55 và 53 - Luật ATTP). Như vậy, Luật ATTP hoàn toàn không đề cập quy định biện pháp xử lý vi phạm là tạm ngưng xuất khẩu.

Trong khi đó, các nội dung Thông tư 55 và các Quyết định của Bộ mới ban hành, cho thấy đang không phù hợp và trái với các nội dung trên của Luật ATTP, cụ thể:

✓ Thông tư 55 (toàn bộ mục 2: từ Điều 23 - 29; Điều 33, 38, 39, 40) và Quyết định 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/11/2011 của Bộ NN-PTNT đang quy định (tức yêu cầu quản lý Nhà nước) việc kiểm tra, lấy mẫu, kiểm nghiệm theo chỉ tiêu ATTP quy định, cấp giấy Chứng nhận và thu phí đối với các lô hàng thủy sản XK vào 1 số các thị trường (bao gồm cả thị trường có thỏa thuận song phương, và thị trường không có yêu cầu). Việc thu

phí từ chủ hàng (không phải người yêu cầu) cho các hoạt động quản lý của Nhà nước về ATTP hàng thủy sản xuất khẩu là không phù hợp với điều 45 & 48 của Luật ATTP kể trên;

✓ Nhật Bản không có yêu cầu kiểm tra Nhà nước về ATTP các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Nhật Bản và cũng chưa có thỏa thuận song phương về vấn đề này, nên theo Điều 42 Luật ATTP, thì Cơ quan Thẩm quyền Việt Nam sẽ không thực hiện việc cấp giấy Chứng nhận. Và nếu, các chỉ tiêu ATTP (kháng sinh, vi sinh) có được xếp vào nhóm các chỉ tiêu kiểm nghiệm theo yêu cầu quản lý Nhà nước, thì theo Điều 45 & 48 Luật ATTP kể trên, các chi phí lấy mẫu, kiểm nghiệm sẽ do Nhà nước chi trả. **Tuy nhiên**, theo Quyết định **2654/QĐ-BNN-QLCL** do Bộ NN-PTNT ban hành ngày 31/10/2011 quy định các lô tôm, cá tra và mực xuất khẩu vào Nhật Bản phải kiểm tra Nhà nước các chỉ tiêu kháng sinh theo **Thông tư 55**; và chỉ lô hàng được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng, ATTP mới được xuất khẩu vào Nhật Bản. Các chi phí lấy mẫu, kiểm nghiệm và cấp chứng thư cho lô hàng sẽ do chủ hàng chi trả theo Quy định hiện hành (mức giá) của Bộ Tài chính (**Điều 33, 38, 39 & 40 - Thông tư 55**);

✓ Trường hợp thị trường Canada cũng tương tự, quyết định **2654/QĐ-BNN-QLCL** yêu cầu 100% lô hàng tôm và cá tra xuất khẩu vào Canada phải được kiểm tra nhà nước về chỉ tiêu Enrofloxacin + Ciprofloxacin. Dù theo thỏa thuận song phương hay chỉ tiêu kháng sinh này phải kiểm theo yêu cầu quản lý Nhà nước, thì theo Quyết định trên các chi phí lấy mẫu, kiểm nghiệm và cấp Chứng nhận vẫn sẽ do chủ hàng chi trả theo mức (đơn giá) hiện hành của Bộ Tài chính.

✓ Hiện nay, Cục NAFIQAD đang dựa trên **Thông tư 199/2010/TT-BTC** ngày 13/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (trước khi Luật ATTP được thông qua) với các mức đơn giá cho từng chỉ tiêu kiểm nghiệm để thực hiện việc thu phí kiểm nghiệm lô hàng xuất khẩu của doanh nghiệp. Thông tư 199 căn cứ vào các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực khi Luật ATTP có hiệu lực (Pháp lệnh VSATTP ngày 26/7/2003, Nghị định 163/2004/NĐ-CP ngày 7/9/2004). Luật ATTP là cơ sở pháp luật cao nhất, ra đời sau và được cập nhật phù hợp với thực tế, do đó căn cứ theo Luật ATTP thì việc kiểm tra và lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng theo yêu cầu thỏa thuận song phương hoặc yêu cầu của Bộ NNPTNT do Cục NAFIQAD đang thực hiện thực chất chỉ là việc lấy mẫu và kiểm nghiệm theo **điều 48 Luật ATTP** nên chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm phải được chi trả bởi Cục NAFIQAD (người yêu cầu) chứ không phải do các doanh nghiệp phải chi trả.

✓ Điều 31 của Thông tư 55 quy định các biện pháp xử lý lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo về CL, ATTP, có một nội dung là Cơ quan kiểm tra sẽ yêu cầu cơ sở sản xuất lô hàng phải "**ngừng xuất khẩu nếu có quá 3 (ba) lô hàng cùng nhóm sản phẩm tương tự trong 6 (sáu) tháng bị CQTQ nước nhập khẩu cảnh báo về CL, ATTP**". Rõ ràng, lô hàng bị cảnh báo chỉ là thực phẩm không đảm bảo an toàn theo mức quy định nhập khẩu của nước nhập khẩu, tuyệt đối không phải là thực phẩm gây ngộ độc, truyền bệnh và lô hàng này cũng chưa được lưu thông trên thị trường nên không thể có cơ sở cấm ngưng xuất khẩu. Bộ NN&PTNT đưa ra hình thức ngừng xuất khẩu là biện pháp trừng phạt quá nặng nề đối với người sản xuất kinh doanh và không phù hợp với Luật ATTP.

2. Còn bất cập so với Luật ATTP:

Tại điều 7 (*Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm*), Điều 45 (*Yêu cầu đối với việc kiểm nghiệm thực phẩm*) và Điều 46 (*Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm*) của Luật ATTP quy định:

✓ Tổ chức sản xuất thực phẩm có quyền lựa chọn cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định để chứng nhận hợp quy; được khiếu nại, tố cáo và được bồi thường thiệt hại.

✓ Quy định các điều kiện của cơ sở kiểm nghiệm. Cơ sở kiểm nghiệm được cung cấp dịch vụ, được thu phí và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm nghiệm do mình thực hiện. Bộ trưởng quản lý ngành quy định cụ thể điều kiện của cơ sở kiểm nghiệm.

✓ Việc kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện tại cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm do Bộ trưởng Bộ quản lý ngành chỉ định. Đồng thời, việc kiểm nghiệm thực phẩm phải đảm bảo yêu cầu khách quan, chính xác.

Như vậy, có thể thấy rằng, theo Luật, các tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn các phòng kiểm nghiệm đã được chỉ định. Và, nếu doanh nghiệp hoặc một tổ chức xã hội, hoặc đơn vị của Cơ quan có thẩm quyền có phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn các điều kiện thì hoàn toàn có thể kiểm nghiệm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm nghiệm để phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước về ATTP. Luật có các quy định chuyên ngành để quy định độ tin cậy của phòng kiểm nghiệm chứ không phải Cơ quan cấp giấy chứng nhận công nhận kết quả hoặc độ tin cậy của phòng kiểm nghiệm.

Tuy nhiên, theo các quy định tại Thông tư 55 của Bộ NNPTNT và các văn bản quy định liên quan của Cục NAFIQAD, thực tế hiện nay hầu hết các hoạt động lấy mẫu, kiểm nghiệm các lô hàng thủy sản xuất khẩu theo Yêu cầu QL Nhà nước đều phải thực hiện và kiểm nghiệm tại các phòng kiểm nghiệm thuộc Cục NAFIQAD. Mặc dù, các doanh nghiệp và nhiều tổ chức bên ngoài đều đã có phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn và được công nhận, chỉ định theo quy định hiện hành nhưng hầu hết DN khó có thể lựa chọn các phòng kiểm nghiệm này để thực hiện lấy mẫu, kiểm nghiệm cho mục đích phục vụ việc cấp Giấy Chứng nhận vệ sinh từ Cục NAFIQAD.

3. Còn có sự phân biệt đối xử:

Thông tư 55 của Bộ NNPTNT và các Quyết định mới ban hành kể trên còn cho thấy sự phân biệt "đối xử" giữa hàng thủy sản cho xuất khẩu và cho nội địa; phân biệt và khác nhau giữa quản lý nguyên liệu và thành phẩm. Thể hiện rõ ở các biện pháp kiểm soát "dàn hàng ngang" và ngày càng nghiêm ngặt đối với hàng xuất khẩu, trong khi không như vậy đối với hàng dùng cho tiêu thụ nội địa. Tương tự vậy, thì "thành phẩm" bị kiểm soát sát sao hơn đối với "nguyên liệu" trong chuỗi sản xuất trên cùng cách tiếp cận quản lý ATTP. Quan điểm minh bạch, trách nhiệm và không phân biệt đối xử được thể hiện rõ trong Luật ATTP tại **Điều 2** (Giải thích từ ngữ), **Điều 3** (Nguyên tắc quản lý ATTP), **Điều 10** (Điều kiện chung về bảo đảm an toàn đối với thực phẩm), **Điều 63** (Trách nhiệm của Bộ NNPTNT) và **Điều 68** (trách nhiệm kiểm tra ATTP):

✓ Điều kiện chung về đảm bảo an toàn đối với thực phẩm: đáp ứng qui chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người (**điều 10, Luật ATTP**). Như vậy, Luật ATTP không phân biệt điều kiện đảm bảo an toàn đối với thực phẩm tiêu thụ nội địa hay sản phẩm xuất khẩu, cũng như không quy định việc kiểm tra lô hàng. Nhưng trên thực tế, cùng một lô nguyên liệu, nếu sản xuất tiêu thụ nội địa thì doanh nghiệp sẽ đem sản phẩm đến phòng kiểm nghiệm được chỉ định để xác định chất lượng sản phẩm. Sau đó, doanh nghiệp mang kết quả đến Cơ quan thẩm quyền để công bố tiêu chuẩn của sản phẩm, doanh nghiệp chỉ phải thực hiện việc kiểm tra chất lượng ATTP vào lần đầu tiên khi đưa sản phẩm ra thị trường. Ngược lại, nếu lô nguyên liệu được sử dụng để chế biến xuất khẩu thì mỗi lần

xuất khẩu, doanh nghiệp phải đăng ký kiểm tra theo từng lô hàng với các chỉ tiêu: cảm quan, vi sinh, hóa học (Điều 22, 23 - Thông tư 55).

✓ Sản xuất thực phẩm là việc thực hiện một số hoặc toàn bộ các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản để tạo ra thực phẩm. Sản xuất ban đầu là việc thực hiện một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định trách nhiệm của Bộ NN&PTNT là: quản lý ATTP đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản và trách nhiệm quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản... (**Điều 2, 63 - Luật ATTP**).

✓ Như vậy, theo Luật ATTP, sản xuất nguyên liệu là sản xuất thực phẩm và cũng là sản xuất ban đầu. Bộ NN&PTNT được giao trách nhiệm quản lý cả sản xuất thực phẩm và sản xuất ban đầu. Nhưng hiện nay, trên cơ sở các quy định ban hành và thực tế, thì Bộ chỉ tập trung vào khâu chế biến thực phẩm dẫn đến việc "thành phẩm" bị kiểm soát sát sao hơn đối với "nguyên liệu" trong chuỗi sản xuất trên cùng cách tiếp cận quản lý ATTP.

4. Mang tính trừng phạt, không tạo môi trường lành mạnh

Thông tư 55 của Bộ NN&PTNT và các Quyết định kể trên cũng cho thấy:

✓ Hình thức kiểm tra giảm (mục đích: "làn xanh, làn đỏ") bị co hẹp với các điều kiện quá khắt khe và quá khó để đạt được (*định nghĩa hàng rủi ro bao trùm hầu hết hàng thủy sản XK; doanh nghiệp phải đạt loại "A" và không có lô hàng nào bị phát hiện hoặc cảnh báo trong liên tục 12 tháng - điều 25*) trong khi lại "quá dễ dàng" để mất chế độ kiểm tra giảm (*nhiều mối nguy kháng sinh ở nguyên liệu, doanh nghiệp khó kiểm soát được hết; chỉ cần 1 lô hàng bị phát hiện hoặc cảnh báo; hoặc doanh nghiệp có một lỗi nhỏ (mi) và bị rút xuống loại "B"*). Cách thức này nghiêm ngặt hơn và ít thực tế hơn Quy chế kèm Quyết định 117, 118 và Thông tư 78 trước đó.

✓ Việc kiểm tra tất cả và mang tính "dàn hàng ngang", khiến DN chưa vi phạm nhưng cũng bị kiểm tra như vi phạm. Việc kiểm tất cả không phân biệt này và hầu như đạt để XK mà không chỉ ra ai làm xấu để môi trường kinh doanh thực sự lành mạnh về cạnh tranh chất lượng.

✓ Theo **Điều 38, Thông tư 55** thì Cục NAFIQAD chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra; nội dung của Giấy chứng nhận, chứng thư và Thông báo lô hàng không đạt, điều này cho thấy rằng NAFIQAD sẽ chịu trách nhiệm kết quả kiểm tra của mình. Tuy nhiên trên thực tế, các lô hàng xuất khẩu được cục NAFIQAD đã kiểm nghiệm lô hàng đạt, cấp chứng thư để thông quan xuất khẩu cho lô hàng, nhưng khi sang nước nhập khẩu kiểm phát hiện và bị cảnh báo, thì doanh nghiệp lại là người duy nhất bị tổn thất mà không nhận được sự hỗ trợ nào từ phía cục NAFIQAD. Doanh nghiệp còn có nguy cơ "**ngừng xuất khẩu nếu có quá 3 lô hàng cùng nhóm sản phẩm tương tự trong sáu tháng bị cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo về chất lượng, an toàn thực phẩm**" (**điều 31, thông tư 55**). Lô hàng bị cảnh báo chỉ là thực phẩm không đảm bảo an toàn theo mức quy định nhập khẩu của nước nhập khẩu (chưa kể đa phần là mang tính rào cản), tuyệt đối không phải là thực phẩm gây ngộ độc, truyền bệnh và lô hàng này cũng chưa được lưu thông trên thị trường nên không thể có cơ sở cấm ngưng xuất khẩu. Qui định này quá khắt khe và mang tính trừng phạt, đáng lý ra với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước, NAFIQAD nên có những hướng dẫn, hỗ trợ và tư vấn để các lô hàng xuất khẩu của doanh nghiệp không còn bị cảnh báo và trả về như hiện nay.

5. Tước quyền tự kiểm soát ATTP của doanh nghiệp theo Luật ATTP:

Tại Điều 3 (*Nguyên tắc quản lý ATTP*), điều 7 (*Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm*) và điều 8 (*Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm*) của Luật ATTP đã nêu rõ: Bảo đảm ATTP là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Các tổ chức, cá nhân SXKD thực phẩm tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, bảo đảm ATTP trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về ATTP do mình sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, Thông tư 55 và các Quyết định mới ban hành của Bộ NNPTNT kể trên chưa đánh giá đúng nỗ lực của doanh nghiệp hoàn thiện các hệ thống quản lý ATTP tiên tiến. Và, một hiện trạng là cơ quan cấp Giấy Chứng nhận đồng thời là Cơ quan lấy mẫu, kiểm nghiệm. Thực tế này đang khiến doanh nghiệp thấy "nản" khi bị mất đi quyền tự kiểm soát ATTP, cũng như các nỗ lực và đầu tư cho chất lượng đến cỡ nào thì cuối cùng vẫn bị kiểm tra như các trường hợp doanh nghiệp bị vi phạm. Hay nói cách khác, là đã không tạo ra được động lực và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho công tác chất lượng ATTP. Các điểm này thể hiện :

- ✓ Kiểm tra đồng loạt các lô hàng xuất khẩu không phân biệt lô hàng của doanh nghiệp có hệ thống quản lý tốt và lịch sử đảm bảo ATTP uy tín với các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm hoặc bị cảnh báo. Trong khi việc xuất khẩu là liên tục thì việc kiểm bắt buộc khiến hầu hết các lô hàng đều phải chờ từ 7-10 ngày gây nên một chi phí xã hội quá lớn, chưa kể đến sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam giảm sút đáng kể so với khu vực.

- ✓ Đa số các doanh nghiệp với trách nhiệm, uy tín và sự tồn tại của mình đã đầu tư lớn cho hệ thống chất lượng ATTP, cũng một mặt để được ghi nhận đánh giá thuộc hệ kiểm tra giảm. Nhưng hình thức kiểm tra giảm, **điều 25-TT55**, đưa ra với "các điều kiện" hết sức ngặt nghèo, và quá dễ dàng để mất đi khiến doanh nghiệp thiếu niềm tin vào những nỗ lực chính đáng của mình, hoặc không thiết tha với việc đầu tư hơn nữa trong việc tự kiểm soát ATTP của doanh nghiệp mình.

- ✓ Trong khi các mối nguy cho ATTP thủy sản không còn chỉ trong phạm vi Nhà máy của DN, nhưng các biện pháp xử lý vi phạm (điều 19 & điều 31) như ngưng xuất khẩu hoặc rút Giấy Chứng nhận ATTP lại "đánh" trực tiếp vào chủ thể DN chế biến xuất khẩu, khiến DN không chỉ mất đi tiền bạc, uy tín mà còn có thể phá sản.

- ✓ Thực tế thống kê cho thấy các doanh nghiệp lớn có hệ thống tự kiểm soát tốt không hề bị cảnh báo ở nước ngoài (Ví dụ: Công ty Minh Phú với vấn đề kháng sinh ở Nhật Bản), trong khi một vài công ty khác dù bị kiểm tra chặt cho xuất hàng sang Nhật vẫn bị cảnh báo. Rõ ràng hệ thống tự kiểm soát ATTP của doanh nghiệp là mấu chốt quan trọng - đây cũng là nội dung cơ bản tại **Điều 7, Luật ATTP** nêu rõ: tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm có nghĩa vụ thiết lập quy trình tự kiểm tra trong quá trình sản xuất thực phẩm.

- ✓ Kiểm tra càng chặt từng lô hàng trên cơ sở kết quả các kiểm nghiệm như cách hiện nay có thể dẫn đến tình trạng lô hàng đã không ATTP ở khâu trước đó (kháng sinh trong nuôi), qua kiểm nghiệm thành sản phẩm ATTP (kiểm không phát hiện) thì không khuyến khích doanh nghiệp tự kiểm soát và chịu trách nhiệm chất lượng với khách hàng khi xảy ra tranh chấp.

6. Chi phí kiểm nghiệm lô hàng trả cho Cục NAFIQAD quá lớn:

Tổng hợp cho thấy phí kiểm nghiệm phải trả cho các Trung tâm vùng thuộc Cục NAFIQAD trung bình 5 - 15 triệu VNĐ/lô hàng xuất khẩu (container) - tùy thuộc chủng

loại hàng, thị trường và số lượng chủng loại hàng/container. Con số thống kê của nhiều doanh nghiệp cỡ trung bình trở lên đang cho thấy mức phí phải trả hàng năm của doanh nghiệp cho hoạt động kiểm nghiệm là quá lớn và đáng quan ngại, trong đó đa phần phải trả cho Cục NAFIQAD từ **1 - 4 tỷ VNĐ/năm/DN** (tùy quy mô doanh nghiệp), và tương đương gần ấy nữa cho hoạt động tự kiểm của doanh nghiệp.

Toàn ngành thủy sản XK mỗi năm khoảng 1,2 triệu tấn hay khoảng 60.000 lô hàng XK, với tần suất lấy mẫu kiểm nghiệm 20% thì số lô hàng phải kiểm tra nhà nước (*đã lược 1 số thị trường không yêu cầu H/C và 1 số doanh nghiệp được hưởng kiểm tra giảm*) tương đương 12.000 lô. Tổng mức toàn ngành thủy sản XK phải chi trả là khá lớn cho hoạt động kiểm nghiệm của Cục NAFIQAD. Nhưng có lẽ chi phí lớn hơn cả chính là thời gian chờ đợi 7-10 ngày của mỗi lô hàng trước khi xuất khẩu.

Các quy định tạo nên phí kiểm nghiệm theo yêu cầu Nhà nước cao cho mỗi doanh nghiệp và cả ngành thủy sản, gồm:

✓ ATTP có hiệu lực) thì lại càng cao hơn rất nhiều, với mức phải trả Định nghĩa hàng rủi ro của các quy định trước đây và hiện nay trong Thông tư 55: gần như 100% hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam là hàng rủi ro cao, nên tần suất kiểm tra cao (Phụ lục 9, Thông tư 55).

✓ Quy định kiểm tra giảm theo Thông tư 55 quá khó và không mang tính thực tế khiến số lượng doanh nghiệp được hưởng "làn xanh" kiểm tra giảm sẽ ít đi và DN bị rớt xuống hạng "B" nhiều lên, hay nói cách khác, **số lượng lô hàng xuất khẩu phải kiểm tra Nhà nước sẽ phải nhiều lên**. Theo Điều 25, Thông tư 55 thì phải thỏa mãn đồng thời 3 điều kiện sau đây trong liên tục 12 tháng mới được áp dụng kiểm tra giảm: xếp loại A về điều kiện ATTP; không bị phát hiện cảnh báo của cả cơ quan kiểm tra và nước nhập khẩu và không bị phát hiện vi phạm quy định về ATTP.

✓ Quy định xếp loại doanh nghiệp theo điều kiện đảm bảo ATTP có sự thay đổi đáng kể theo hướng thắt chặt và khó khăn hơn. Chưa biết Bộ NNPTNT đã có đánh giá rủi ro hay chưa. Nhưng ngay khi Luật ATTP có hiệu lực, Thông tư 55 ra đời đã điều chỉnh chỉ tiêu xếp hạng: loại A không cho phép bất kỳ lỗi nặng & lỗi nghiêm trọng nào (trước đây: cho phép 1-5 lỗi nặng); loại B: có ít lỗi nặng và không có lỗi nghiêm trọng (trước đây: cho phép 5-10 lỗi nặng) và loại C (không đạt): nhiều lỗi nặng và có lỗi nghiêm trọng. **Quy định này cho thấy rõ cách tiếp cận kép: nghiêm ngặt về điều kiện ATVS TP nhưng đồng thời tăng kiểm tra, kiểm nghiệm lô hàng trước khi XK.**

Quy định này khiến nhiều doanh nghiệp đang loại "A" sẽ xuống loại "B", và tương tự "B" xuống "C". Và khi đó, theo phụ lục 9 của Thông tư 55, thì tần suất lấy mẫu kiểm nghiệm lô hàng theo đó cũng sẽ tăng lên và tạo ra số lô hàng phải kiểm cũng tăng lên đáng kể (loại A: 3 lô kiểm 1 lô; loại B: 2 lô kiểm 1 lô và loại C: kiểm từng lô). Một cách tính đơn giản của 1 doanh nghiệp trung bình XK đi EU, thì khi bị rớt xuống "B" thì tổng chi phí kiểm nghiệm phải trả Cục NAFIQAD sẽ tăng thêm 35 - 42% trong cùng điều kiện tương đương số lô hàng xuất khẩu, mặt hàng, thị trường.

✓ Tăng thêm nhiều chỉ tiêu phải kiểm so với quy định trước khi Luật ATTP có hiệu lực. Cụ thể: QĐ 2864 thay thế QĐ 3535, tăng các chỉ tiêu kim loại nặng cho các mặt hàng có nguồn từ biển, tăng các chỉ tiêu kháng sinh cho các mặt hàng có nguồn gốc từ nuôi trồng.

✓ Tăng tần suất kiểm kim loại nặng đối với các mặt hàng thuộc họ cá ngừ, cá thu.... (từ 20 lô kiểm 1 lô, xuống còn 3 lô kiểm 1 lô với doanh nghiệp "A" và 2 lô kiểm 1 lô với doanh nghiệp "B").

✓ Đơn giá kiểm các chỉ tiêu kim loại nặng của các Trung tâm NAFIQAD bắt đầu áp dụng cao hơn quy định QĐ 60 mà NAFIQAD đang áp dụng và cao gấp 2,0-2,5 lần đơn giá kiểm ở các phòng kiểm nghiệm bên ngoài.

✓ Mức phí phải trả cho việc lấy mẫu kiểm nghiệm theo yêu cầu kiểm tra nhà nước đã cao và lớn trong chi phí giá thành sản xuất trước khi Luật ATTP có hiệu lực (theo QĐ 117, 118 và 3535), nay theo Thông tư 55 và QĐ 2864 **gấp 2-3 lần**. Cụ thể:

- XK đi EU, hàng Seafood mix: **3.595.000 đ/cont** ==> tăng lên mức **8.375.000 đ/cont**, tăng **2,3 lần**;
- XK đi EU, hàng Seafood mix và tôm PD (chung container): **5.255.000 đ/cont** ==> tăng lên mức **15.525.000 đ/cont**, tăng gần **3 lần**;
- XK đi EU, hàng cá Tra fillet đông lạnh: **4,452,000 đ/cont** ==> tăng lên mức **6,286,000 đ/cont**, tăng lên **1,4 lần**.
- XK đi Nhật Bản, tôm Nobashi: **1.290.000 đ/cont** ==> tăng lên mức **4.510.000 đ/cont**, tăng lên **3,5 lần** (kiểm cảm quan 9 mẫu thay vì 6 mẫu; kiểm 4 chỉ tiêu kháng sinh thay vì 1 chỉ tiêu).
- XK đi Hàn Quốc, tôm Shushi EBI: **5.520.000 đ/cont** ==> tăng lên mức **6.962.000 đ/cont**, tăng lên **1,26 lần**./.
- Riêng kiểm cảm quan (là 1 nội dung bắt buộc của việc kiểm tra) đi tất cả các thị trường cần có chứng thư ATTP: 372.000 đ/lô XK ==> tăng lên đến tối đa **806.000 đ/lô XK** (vì quy định cứ 1 ngày SX lấy 2 mẫu, và không quá 13 mẫu/lô hàng XK), tăng lên **2,16 lần**.